



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



KPMG

KPMG

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên (từ ngày 19/4/2021)
Ông Trịnh Quang Vinh	Ủy viên (đến ngày 19/4/2021)

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/6/2021)

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipec Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 25-08-2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25-08-2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00239-21-2



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 25-08-2021



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.575.158.527.232	1.280.326.900.165
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	42.261.442.160	53.562.032.612
Tiền	111		42.261.442.160	53.562.032.612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.029.750.591.042	740.090.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(1.659.408.958)	(1.620.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	1.028.800.000.000	739.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		351.613.574.519	337.305.084.288
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	318.186.351.644	318.084.694.764
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.351.035.687	6.540.235.070
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	27.341.869.793	19.486.864.550
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(7.318.827.788)	(6.806.710.096)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		53.145.183	-
Hàng tồn kho	140	13	124.016.154.795	120.780.153.625
Hàng tồn kho	141		126.120.717.301	120.780.153.625
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.104.562.506)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.516.764.716	28.589.629.640
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.714.587.202	2.724.121.376
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.454.670.678	24.738.970.211
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	347.506.836	1.126.538.053

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		601.270.909.045	625.725.166.105
Các khoản phải thu dài hạn	210		437.760.408	462.836.408
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10	339.211.000	354.287.000
Phải thu dài hạn khác	216		98.549.408	108.549.408
Tài sản cố định	220		331.435.326.970	357.334.488.337
Tài sản cố định hữu hình	221	14	264.851.983.402	290.610.817.891
Nguyên giá	222		872.485.054.710	878.166.879.534
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(607.633.071.308)	(587.556.061.643)
Tài sản cố định vô hình	227	15	66.583.343.568	66.723.670.446
Nguyên giá	228		79.836.060.184	79.836.060.184
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.252.716.616)	(13.112.389.738)
Bất động sản đầu tư	230	16	6.734.807.879	6.826.104.545
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.308.357.386)	(2.217.060.720)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.824.379.346	5.550.870.414
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	2.824.379.346	5.550.870.414
Tài sản dài hạn khác	260		259.838.634.442	255.550.866.401
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	254.837.461.537	250.629.855.087
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	19	5.001.172.905	4.921.011.314
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.176.429.436.277	1.906.052.066.270

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.346.285.044.478	1.124.646.532.654
Nợ ngắn hạn	310		1.257.955.120.773	1.027.319.135.645
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	182.110.251.449	218.549.607.988
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.371.685.443	6.155.554.708
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	18.565.692.684	11.863.408.488
Phải trả người lao động	314		32.689.320.319	63.656.625.692
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	23.171.672.569	6.309.354.218
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		540.938.373	215.084.076
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	18.326.856.433	11.271.803.188
Vay ngắn hạn	320	24	972.474.177.192	685.568.464.744
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	20.286.400.442
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	3.704.526.311	3.442.832.101
Nợ dài hạn	330		88.329.923.705	97.327.397.009
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	88.329.923.705	97.327.397.009
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		830.144.391.799	781.405.533.616
Vốn chủ sở hữu	410	26	830.144.391.799	781.405.533.616
Vốn cổ phần	411	27	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	27	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	132.215.412.587	118.197.604.300
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.700.192.507	44.551.859.377
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(381.093.228)	(334.369.771)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		82.081.285.735	44.886.229.148
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.852.106.705	15.279.389.939
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.176.429.436.277	1.906.052.066.270

Người lập:

25-08-2021



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	1.652.973.149.717	1.362.529.614.833
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	30.902.205.742	25.059.208.006
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	1.622.070.943.975	1.337.470.406.827
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	1.312.227.028.880	1.056.837.132.676
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		309.843.915.095	280.633.274.151
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	25.927.020.559	25.469.506.393
Chi phí tài chính	22	34	16.373.562.017	21.148.729.229
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.211.243.426</i>	<i>18.862.490.234</i>
Chi phí bán hàng	25	35	156.821.341.285	159.671.253.319
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	55.727.462.603	53.715.714.319
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		106.848.569.749	71.567.083.677
Thu nhập khác	31	37	12.201.793.268	1.127.256.653
Chi phí khác	32	38	9.110.840.011	148.627.690
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.090.953.257	978.628.963

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		109.939.523.006	72.545.712.640
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	23.214.214.171	14.699.888.023
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	40	(80.161.591)	52.142.087
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		86.805.470.426	57.793.682.530
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		82.081.285.735	53.827.844.198
Cổ đông không kiểm soát	62		4.724.184.691	3.965.838.332
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	1.204	780

Người lập:

25-08-2021

Người duyệt:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợpNguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	109.939.523.006	72.545.712.640
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	26.593.920.893	28.670.372.069
Các khoản dự phòng	03	(17.630.311.286)	(6.785.141.674)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	62.274.591	(50.197.905)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.477.181.607)	(23.928.321.335)
Chi phí lãi vay	06	16.211.243.426	18.862.490.234
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	111.699.469.023	89.314.914.029
Biến động các khoản phải thu	09	(9.711.397.917)	59.460.045.551
Biến động hàng tồn kho	10	(5.340.563.676)	54.507.870.495
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(38.355.151.805)	(117.514.799.302)
Biến động chi phí trả trước	12	(6.785.230.866)	10.283.275.904
		51.507.124.759	96.051.306.677
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.157.842.942)	(18.974.089.745)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.761.320.342)	(15.920.742.196)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.951.741.505)	(16.075.901.629)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.636.219.970	45.080.573.107

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(11.524.691.616)	(16.744.316.635)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	148.606.918
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(940.800.000.000)	(596.200.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	651.100.000.000	755.700.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	20.243.719.703	25.339.958.138
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(280.980.971.913)	168.244.248.421
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.229.996.901.714	1.002.824.905.850
Tiền trả nợ gốc vay	34	(943.091.189.266)	(1.080.324.331.753)
Tiền trả cổ tức	36	(18.861.172.128)	(126.660.951.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	268.044.540.320	(204.160.377.508)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(11.300.211.623)	9.164.444.020
Tiền đầu kỳ	60	53.562.032.612	42.445.765.155
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(378.829)	(64.672)
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	42.261.442.160	51.610.144.503

Người lập:

25-08-2021

Người duyệt:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợpNguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính hợp nhất

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2021: 6 công ty con) như sau:

		30/6/2021 và 1/1/2021	% sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	Thành phố Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	Thành phố Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty và các công ty con có 1.058 nhân viên (1/1/2021: 1.074 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ tài sản khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Khấu hao không được tính cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|--------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 50 năm |
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 48 năm |

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang không được tính trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vỏ bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí đền bù đất phát sinh liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê cho các hoạt động sản xuất và gia công, công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Chi phí đền bù đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 45 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng bảo hiểm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(p) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoại trừ vấn đề liên quan đến đại dịch Covid-19 được trình bày ở Thuyết minh 1(d), Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Ngoài những thay đổi về thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc như trình bày tại Trang 1, Tổng Công ty không có sự thay đổi cơ cấu đáng kể nào khác trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.777.057.123	2.928.052.645
Tiền gửi ngân hàng	39.484.385.037	50.633.979.967
	<hr/>	<hr/>
	42.261.442.160	53.562.032.612

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

		30/6/2021		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần				
Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	950.591.042	(1.659.408.958)

		1/1/2021		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần				
Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	990.000.000	(1.620.000.000)

(*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào cổ phiếu được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của các cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.028.800.000.000	1.028.800.000.000

	1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	739.100.000.000	739.100.000.000

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	318.186.351.644	318.084.694.764
Dài hạn	339.211.000	354.287.000
	<hr/>	<hr/>
	318.525.562.644	318.438.981.764
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	75.577.648.007	71.783.227.547
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.370.899.177	11.259.191.232
Phải thu người lao động	7.042.757.711	4.433.529.329
Phải thu ngắn hạn khác	4.928.212.905	3.794.143.989
	<hr/>	<hr/>
	27.341.869.793	19.486.864.550
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2021			1/1/2021				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG – Phong Phú	Trên 6 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	Trên 6 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-
Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	Trên 6 năm Từ 1 năm đến 2 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-	Trên 5 năm Từ 6 tháng đến 1 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-
Các khách hàng khác	Từ 2 năm đến 3 năm	742.219.454	(222.665.837)	519.553.617	Từ 1 năm đến 2 năm	909.596.871	(272.879.061)	636.717.810
Các khách hàng khác	Từ 3 năm đến 4 năm	592.453.540	(296.226.770)	296.226.770	Từ 2 năm đến 3 năm	572.430.893	(286.215.447)	286.215.446
Các khách hàng khác	Trên 4 năm	1.022.205.454	(715.543.818)	306.661.636	Trên 3 năm	435.999.190	(305.199.433)	130.799.757
Các khách hàng khác	Trên 4 năm	622.734.637	(622.734.637)	-	Trên 3 năm	480.759.429	(480.759.429)	-
		8.441.269.811	(7.318.827.788)	1.122.442.023		7.860.443.109	(6.806.710.096)	1.053.733.013

Trong đó:

Dự phòng phải thu
khó đòi – ngắn hạn

(7.318.827.788)

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.457.305.511	-	13.514.292.066	-
Nguyên vật liệu	51.930.304.308	(2.104.562.506)	38.089.073.931	-
Công cụ và dụng cụ	48.336.000	-	487.574.540	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.091.083.063	-	4.216.657.512	-
Thành phẩm	3.607.918.319	-	6.044.161.674	-
Hàng hóa	62.985.770.100	-	57.621.771.170	-
Hàng gửi bán	-	-	806.622.732	-
	126.120.717.301	(2.104.562.506)	120.780.153.625	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 2.338 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2021: Không) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	405.772.164.365	343.032.669.595	111.681.838.374	13.257.886.185	4.422.321.015	878.166.879.534
Tăng trong kỳ	-	75.725.000	290.000.000	232.155.182	33.190.000	631.070.182
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	63.080.801	1.739.198.839	5.271.107.881	104.890.000	160.663.636	7.338.941.157
Thanh lý	(81.257.258)	-	(1.896.554.709)	-	-	(1.977.811.967)
Xóa sổ (*)	(8.542.950.000)	-	-	-	-	(8.542.950.000)
Giảm sau quyết toán công trình	(630.357.378)	-	-	-	-	(630.357.378)
Biến động khác	-	(2.500.716.818)	-	-	-	(2.500.716.818)
Số dư cuối kỳ	396.580.680.530	342.346.876.616	115.346.391.546	13.594.931.367	4.616.174.651	872.485.054.710
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	239.660.537.041	258.754.442.530	73.746.735.462	11.477.152.635	3.917.193.975	587.556.061.643
Khấu hao trong kỳ	8.235.046.836	11.344.410.940	4.287.593.796	351.670.648	114.060.908	24.332.783.128
Thanh lý	(53.009.212)	-	(1.046.556.714)	-	-	(1.099.565.926)
Xóa sổ (*)	(1.795.443.330)	-	-	-	-	(1.795.443.330)
Biến động khác	-	(1.360.764.207)	-	-	-	(1.360.764.207)
Số dư cuối kỳ	246.047.131.335	268.738.089.263	76.987.772.544	11.828.823.283	4.031.254.883	607.633.071.308
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	166.111.627.324	84.278.227.065	37.935.102.912	1.780.733.550	505.127.040	290.610.817.891
Số dư cuối kỳ	150.533.549.195	73.608.787.353	38.358.619.002	1.766.108.084	584.919.768	264.851.983.402



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tài sản ghi giảm theo Biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng (“Bên nhận chuyển nhượng”) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thùy Dương (“Bên chuyển nhượng”). Trước đó, ngày 13 tháng 9 năm 2010, Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đã ký Hợp đồng chuyển nhượng văn phòng số TDBC-PG/19/2010, theo đó Bên nhận chuyển nhượng đã ghi nhận tài sản cố định tương ứng là văn phòng làm việc với giá trị 8.542.950.000 VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Tuy nhiên, do sự không đồng thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng trong việc giải quyết chậm bàn giao Giấy chứng nhận Quyền sở hữu văn phòng, hai bên đã ký Biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Theo đó, Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại tài sản đã ghi nhận cho Bên chuyển nhượng.

Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, Bên chuyển nhượng đồng ý hoàn trả toàn bộ số tiền gốc Bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán trị giá 8.927.382.750 VND vào ngày bàn giao tài sản. Đồng thời, Bên chuyển nhượng đồng ý thanh toán số tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc Bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán, tiền phạt chậm bàn giao giấy chứng nhận Quyền sở hữu Văn phòng và tiền phạt vi phạm Hợp đồng trị giá 8.421.724.439 VND (Thuyết minh 37).

Đồng thời, Bên nhận chuyển nhượng đồng ý thanh toán cho Bên chuyển nhượng tiền thuê văn phòng từ ngày nhận bàn giao văn phòng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số tiền lãi chậm nộp phát sinh trên số tiền thuê trị giá 8.015.029.557 VND (Thuyết minh 38).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 190.700 triệu VND (1/1/2021: 182.218 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 6.198 triệu VND (1/1/2021: 2.799 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	68.621.961.448	11.214.098.736	79.836.060.184
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.518.832.966	10.593.556.772	13.112.389.738
Khấu hao trong kỳ	57.511.494	82.815.384	140.326.878
Số dư cuối kỳ	2.576.344.460	10.676.372.156	13.252.716.616
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	66.103.128.482	620.541.964	66.723.670.446
Số dư cuối kỳ	66.045.616.988	537.726.580	66.583.343.568

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 10.552 triệu VND (1/1/2021: 10.552 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.646.490.001	570.570.719	2.217.060.720
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	1.716.060.001	592.297.385	2.308.357.386
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.310.915.469	1.515.189.076	6.826.104.545
Số dư cuối kỳ	5.241.345.469	1.493.462.410	6.734.807.879

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	5.550.870.414	13.891.863.931
Tăng trong kỳ	4.612.450.089	8.264.335.444
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.338.941.157)	(18.482.096.105)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(356.186.271)
Số dư cuối kỳ	2.824.379.346	3.317.916.999

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phương tiện vận chuyển	985.447.705	3.741.000.000
Khác	1.838.931.641	1.809.870.414
	2.824.379.346	5.550.870.414

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	206.261.438.841	24.023.935.316	20.344.480.930	250.629.855.087
Tăng trong kỳ	30.888.785.150	1.442.355.631	2.804.500.112	35.135.640.893
Phân bổ trong kỳ	(25.982.860.978)	(2.029.514.221)	(2.383.024.847)	(30.395.400.046)
Thanh lý	(532.634.397)	-	-	(532.634.397)
Số dư cuối kỳ	210.634.728.616	23.436.776.726	20.765.956.195	254.837.461.537

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.001.172.905	4.921.011.314

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	112.635.712.213	84.576.965.022
Công ty TNHH EI Corporation	54.465.188.771	68.743.539.264
PTT International Trading PTE Ltd	-	23.375.114.087
Công ty TNHH Đầu tư Dầu khí Hà Nội	-	14.004.715.909
Các nhà cung cấp khác	15.009.350.465	27.849.273.706
	182.110.251.449	218.549.607.988

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	207.504.745	559.507.558

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021		Số phát sinh trong kỳ VND		Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND		30/6/2021	
	Phải thu VND	Phải trả VND			Phải thu VND	Phải trả VND		
Thuế giá trị gia tăng	-	2.351.878.423	467.124.916.391		(465.830.547.278)	-	3.646.247.536	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	43.921.851.574		(43.921.851.574)	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.098.858.895)	7.159.955.923	23.214.214.171		(14.761.320.342)	-	14.513.990.857	
Thuế thu nhập cá nhân	(27.679.158)	1.806.810.024	4.103.330.206		(5.971.181.018)	(347.506.836)	258.786.890	
Thuế nhập khẩu	-	529.998.405	18.353.300.419		(18.736.631.423)	-	146.667.401	
Thuế khác	-	14.765.713	228.967.637		(243.733.350)	-	-	
	(1.126.538.053)	11.863.408.488	556.946.580.398		(549.465.264.985)	(347.506.836)	18.565.692.684	

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi vay	531.265.259	477.864.775
Chi phí sửa chữa lớn	8.869.000.000	-
Trích trước chi phí hoạt động	13.771.407.310	5.831.489.443
	23.171.672.569	6.309.354.218

23. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.757.007.545	2.598.666.208
Cổ tức phải trả	314.176.220	322.171.820
Hàng hóa mượn sản xuất	-	45.421.200
Chi phí hoạt động cho các cửa hàng	8.133.769.504	3.742.558.667
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.934.770.287	-
Phải trả ngắn hạn khác	4.187.132.877	4.562.985.293
	18.326.856.433	11.271.803.188

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

24. Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	685.568.464.744	1.229.996.901.714	(943.091.189.266)	972.474.177.192

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	363.748.497.221	346.285.488.699
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	279.387.335.635	28.834.874.679
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH (i)	VND	88.356.937.617	98.512.869.439
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (i)	VND	96.646.886.220	31.817.508.197
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	127.653.198.199	174.117.723.730
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn – bên liên quan (i)	VND	9.488.243.900	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM (ii)	VND	7.193.078.400	3.000.000.000
		972.474.177.192	685.568.464.744

- (i) Các khoản vay ngân hàng này là các khoản vay tín chấp.
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 6.198 triệu VND (1/1/2021: 2.799 triệu VND) (Thuyết minh 14).

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	3.442.832.101	6.193.682.178
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 26)	19.213.435.715	13.901.169.900
Sử dụng trong kỳ	(18.951.741.505)	(16.075.901.629)
	3.704.526.311	4.018.950.449

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	603.426.380.000	(49.700.000)	103.453.253.749	148.668.463.452	9.133.259.027	864.631.656.228
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	53.827.844.198	3.965.838.332	57.793.682.530
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.744.350.551	(14.744.350.551)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	(13.579.912.672)	(321.257.228)	(13.901.169.900)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(120.678.570.000)	(1.317.299.732)	(121.995.869.732)
Số dư tại ngày 30/6/2020	603.426.380.000	(49.700.000)	118.197.604.300	53.493.474.427	11.460.540.399	786.528.299.126
Số dư tại ngày 1/1/2021	603.426.380.000	(49.700.000)	118.197.604.300	44.551.859.377	15.279.389.939	781.405.533.616
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	82.081.285.735	4.724.184.691	86.805.470.426
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.017.808.287	(14.017.808.287)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	(18.847.287.318)	(366.148.397)	(19.213.435.715)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(12.067.857.000)	(6.785.319.528)	(18.853.176.528)
Số dư tại ngày 30/6/2021	603.426.380.000	(49.700.000)	132.215.412.587	81.700.192.507	12.852.106.705	830.144.391.799

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	3.353	49.700.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

29. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt trị giá 84.475 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 120.679 triệu VND). Trước đó, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức 72.407 triệu VND trong năm 2020 theo thông báo ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	529.746.500	857.397.120

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	1.626,68	37.397.959	1.633,28	37.806.130
Euro (“EUR”)	147,17	3.802.646	147,17	4.110.900
		<u>41.200.605</u>		<u>41.917.030</u>

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.622.527.537.977	1.332.211.425.146
▪ Cung cấp dịch vụ	15.542.201.571	13.756.386.337
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	2.177.586.087	2.163.063.014
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	12.725.824.082	14.398.740.336
	<u>1.652.973.149.717</u>	<u>1.362.529.614.833</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(23.610.502.411)	(20.103.552.808)
▪ Hàng bán bị trả lại	(7.291.703.331)	(4.955.655.198)
	<u>(30.902.205.742)</u>	<u>(25.059.208.006)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.622.070.943.975</u>	<u>1.337.470.406.827</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.294.669.580.611	1.043.030.539.411
▪ Cung cấp dịch vụ	13.854.018.299	11.970.168.338
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.598.867.464	1.836.424.927
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.104.562.506	-
	<hr/>	<hr/>
	1.312.227.028.880	1.056.837.132.676

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi	24.355.427.648	23.795.773.250
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.571.592.911	1.606.580.238
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	50.197.905
Khác	-	16.955.000
	<hr/>	<hr/>
	25.927.020.559	25.469.506.393

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	16.211.243.426	18.862.490.234
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	39.408.958	680.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.635.042	1.606.238.995
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	62.274.591	-
	<hr/>	<hr/>
	16.373.562.017	21.148.729.229

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	28.383.513.044	29.600.875.262
Chi phí khấu hao	1.386.231.026	1.615.681.824
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	25.982.860.978	28.895.385.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.216.905.733	50.006.585.365
Chi phí bán hàng khác	47.851.830.504	49.552.725.714
	156.821.341.285	159.671.253.319

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	32.598.404.902	23.297.886.799
Chi phí khấu hao	2.580.164.567	2.893.053.588
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	512.117.692	(217.250.023)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.268.940.823	15.241.721.925
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.767.834.619	12.500.302.030
	55.727.462.603	53.715.714.319

37. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	271.074.639
Lãi từ thanh lý vỏ bình gas	779.580.000	-
Thu nhập từ tiền phạt vi phạm hợp đồng và lãi chậm trả từ chuyên nhượng văn phòng (Thuyết minh 14)	8.421.724.439	-
Chênh lệch thừa kiểm kê hàng tồn kho	372.492.540	427.138.334
Thu nhập khác	2.627.996.289	429.043.680
	12.201.793.268	1.127.256.653

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng, phí dịch vụ thanh toán bổ sung theo thỏa thuận chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng văn phòng (Thuyết minh 14)	8.015.029.557	-
Lỗ thanh lý tài sản cố định	878.246.041	16.058.622
Chi phí khác	217.564.413	132.569.068
	9.110.840.011	148.627.690

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	75.150.675.789	78.526.887.861
Chi phí nhân viên	103.383.410.831	99.330.914.941
Chi phí khấu hao	26.593.920.893	28.670.372.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.375.646.498	68.352.516.369
Chi phí khác	86.725.612.008	91.718.768.943

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	23.188.614.740	14.599.644.484
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	25.599.431	100.243.539
	23.214.214.171	14.699.888.023
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(80.161.591)	52.142.087
	23.134.052.580	14.752.030.110

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	109.939.523.006	72.545.712.640
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	21.987.904.601	14.509.142.528
Chi phí không được khấu trừ thuế	915.910.437	172.583.007
Biến động các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	204.638.111	(29.938.964)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	25.599.431	100.243.539
	23.134.052.580	14.752.030.110

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	82.081.285.735	53.827.844.198
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(9.423.643.659)	(6.789.956.336)
	72.657.642.076	47.037.887.862
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	60.339.285	60.339.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.204	780

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 9.424 triệu VND, căn cứ trên số thực tế phân bổ cho năm 2020.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Phân phối lợi nhuận	6.320.859.800	63.208.598.000
Các bên liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	32.853.594.000	27.263.183.200
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	24.837.373.544	20.769.058.778
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam – Công ty Xăng dầu Khu vực V</i>		
Bán hàng hóa	24.042.226.000	21.420.782.400
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	19.514.011.680	15.797.281.944
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	21.574.181.050	18.362.237.400
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i>		
Bán hàng hóa	13.314.127.943	10.151.370.465
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>		
Bán hàng hóa	17.796.053.499	14.911.265.878
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</i>		
Bán hàng hóa	20.541.347.900	17.245.217.800
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn</i>		
Vay	47.310.034.581	8.904.087.625
Hoàn trả gốc vay	40.821.790.681	15.631.818.456
Chi phí lãi vay	495.086.185	296.025.370
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	316.663.399.623	250.435.366.349

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch		
Thù lao	128.829.558	64.622.466
Ông Trịnh Quang Vinh – Ủy viên (đến ngày 19/4/2021)		
Thù lao	52.605.403	511.298.630
Ông Phan Phương Anh – Ủy viên		
Thù lao	90.180.690	64.622.466
Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên		
Thù lao	90.180.690	64.622.466
Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác		
Ông Vũ Hồng Khánh – Tổng Giám đốc		
Ủy viên		
Lương và thưởng	597.422.361	461.589.041
Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	418.195.653	323.112.329
Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	418.195.653	323.112.329
Ông Nguyễn Hữu Quang – Phó Tổng Giám đốc		
Ủy viên (từ ngày 19/4/2021)		
Lương và thưởng	418.195.653	323.112.329
Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	418.195.653	323.112.329
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc		
(từ ngày 1/6/2021)		
Lương và thưởng	370.708.235	279.083.836
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng		
(từ ngày 1/6/2021)		
Lương và thưởng	60.201.792	19.701.848
Ban Kiểm soát		
Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban		
Thù lao	418.195.653	323.112.329

2-C
 TY
 HỮU H
 G
 T.P.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2021 30/6/2020
VND VND

Bà Lê Thị Hải – Thành viên
Thù lao

292.277.401

225.823.562

Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên
Thù lao

-

-

43. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan.

Người lập:

25-08-2021



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc